

**TOÀA AÙN NHAÂN DAÂNCOĂNG HOØA XÃ HOÃI CHUÛ NGHÓA
VIEÁT NAM**

**THAØNH PHOÁ RAÏCH GIAÙ
TÆNH KIEÂN GIANG**

Nõac laäp – Tõi do – Hainh phuüc

Baün aùn soá: 54 /2019/HNGĐ-ST

Ngay: 11/07/2019

V/v: “ Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con”.

**NHAÂN DANH
NÖÔÙC COĂNG HOØA XÃ HOÃI CHUÛ NGHÓA VIEÁT NAM
TOÀA AÙN NHAÂN DAÂN THAØNH PHOÁ RAÏCH GIAÙ**

Thaønh phaøn hoãi ñoàng xeùt xõu sô thaãm goàm coù:

- Thaãm phaøn - Chuû toïa phieãn toøa: Bà **Huỳnh Tất Ngọc Trân**

- Caùc hoãi thaãm nhaân dân: **1. Ông Mai Văn Bé Em**

2. Bà Đoàn Thị Liễu

- Thõ kyu phieãn toøa: Ông **Nguyễn Việt Bắc**

Ngay 11 tháng 07 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Raich Giaù xeùt xõu sô thaãm công khai vui án dân sự thụ lý số: 255/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “**Xin ly hôn, nuôi con chung**”.

Theo quyeát ñoanh ñoà vui aùn ra xeùt xõu số: 66/2019/QNXX-ST, ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các ñoàng sõi :

- **Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Số 284/22/2A Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 284/22/2A Nguyễn Trung Trực, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn xin ly hôn và lời trình bày của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày:** Ông K và bà L tự nguyện quen nhau và chung sống như vợ chồng từ năm 1997, vợ chồng ông bà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Đến năm 2018 giữa ông K và bà L thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là về tình cảm gia đình, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đến khoảng giữa năm 2018 thì ông K và bà L ly thân cho đến nay.

Về con chung: Ông K và bà L xác định trong quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung là N, sinh ngày 28/4/1999 đã trưởng thành và cháu M, sinh ngày 17/5/2003. Ông K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M và không yêu cầu bà L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Ông K xác định vợ chồng đã thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông K xác nhận vợ chồng không có nợ chung.

*** Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L trình bày:** bà L thống nhất với lời trình bày của ông K về hôn nhân và những mâu thuẫn trong hôn nhân. Bà L thống nhất theo yêu cầu xin ly hôn của ông K và đồng ý ly hôn với ông K vì bà L cho rằng tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K không còn. Bà L xác định trong quá

trình chung sống ông bà có với nhau 02 người con chung là cháu N, sinh ngày 28/7/1999 đã trưởng thành và cháu M, sinh ngày 17/5/2003. Bà L đồng ý giao cháu M cho ông K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng bà không cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại bà L cũng không có mang thai.

- Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng đã thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L xác nhận vợ chồng không có nợ chung

Sau khi nghe nhân viên công tác tại tòa trình bày trong hồ sơ vụ án nên đã thẩm tra tại phiên tòa, các câu hỏi và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn K khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, bị đơn bà L cư trú tại phường L, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông K và bà L tự tìm hiểu nhau rồi tổ chức lễ cưới trên cơ sở tự nguyện vào năm 1997, tuy nhiên ông K và bà L không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông K và bà L không có giá trị pháp lý được quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn: Trong quá trình chung sống ông K và bà L thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, chủ yếu là về tình cảm gia đình, ông bà cũng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, ông bà tuy đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân gia đình thì phải trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc bền vững.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, ông bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên ông bà cũng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó hôn nhân của ông bà là không hợp pháp. Nên ông Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông K mà không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông K và bà L.

[4] Xét về con chung Hội đồng xét xử xét thấy: Ông K và bà L xác định vợ chồng ông bà có 02 người con chung là cháu N, sinh ngày 28/7/1999 đã trưởng thành và cháu M, sinh ngày 17/5/2003. Đối với cháu N sinh năm 1999 hiện nay đã trưởng thành, ông K và bà L thống nhất giao cháu M, sinh ngày 17/5/2003 cho ông K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi vì ông K có đủ khả năng kinh tế nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy tại văn bản trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Huỳnh Hải My có nguyện vọng được sống cùng với cha ruột là ông

Nguyễn Văn K do đó Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu My cho ông K chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

[5] Về tài sản chung: Ông K và bà L xác định vợ chồng trong quá trình chung sống không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Ông K và bà L xác định trong quá trình chung sống ông bà không có vay mượn tổ chức, cá nhân nào nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị L.

- **Về con chung:** Có 02 người con chung là cháu Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyên, sinh ngày 28/7/1999 đã trưởng thành và cháu Nguyễn Huỳnh Hải My, sinh ngày 17/5/2003. Giao cháu Nguyễn Huỳnh Hải My, sinh ngày 17/5/2003 cho ông K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông K không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, bà L có quyền và nghĩa vụ chăm sóc giáo dục con chung, không ai cản trở bà L thực hiện quyền này.

- **Về tài sản chung:** Ông K và bà L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Ông K và bà L xác định vợ chồng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- **Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:** Ông Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí số 0005885 ngày 05/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên ông K không phải nộp thêm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11/07/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Rạch Giá.
- Đương sự.
- Thi hành án dân sự TP. Rạch Giá.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

HUỲNH TẮT NGỌC TRÂN